TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY ĐỨC** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2022/DS-ST
Ngày 19 - 7 - 2022
"Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Phiếm.

Các Hội nhân dân: Ông Ngô Tiến Hóa và ông Hồ Tùng Lĩnh.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Phạm Ngọc Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2022/TLST-DS, ngày 12/01/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hồng PH, sinh năm 1973;
Địa chỉ: Số A đường C, Phường AB, Quận K, TP. Hồ Chí Minh;
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
Ông Phan Long C, sinh năm 1981 - có mặt;
Địa chỉ: Thôn A, xã ĐS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông;
Bị đơn: Ông Lý Q, sinh năm 1950 - có đơn xin xét xử vắng mặt;
Địa chỉ: Thôn A, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông;
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Trần Thị H1, sinh năm 1953 - có đơn xin xét xử vắng mặt;
Địa chỉ: Thôn A, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 12 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 24/7/2018 ông Hồng PH cho ông Lý Q vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), thời hạn thanh toán vào ngày 24/7/2020, lãi suất thỏa

thuận 0,5%/ 01 tháng. Hai bên có làm văn bản thỏa thuận (được đánh máy) ghi nhận nội dung vay mượn tiền trên và có chữ ký xác nhận của các bên. Số tiền này là tài sản riêng của ông PH, không liên quan gì đến vợ ông PH.

Tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán thì ông Q không trả cho ông PH theo như thỏa thuận mặc dù ông PH đã hối thúc nhiều lần nên ông PH làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 27/01/2022 ông Q đã trả được số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc cho ông Hồng PH. Nay ông PH chỉ yêu cầu vợ chồng ông Q phải trả cho ông PH số tiền 150.000.000 đồng tiền gốc (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi suất (trong hạn và quá hạn) theo quy định của pháp luật đến khi giải quyết xong vụ án, tạm tính đến ngày 19/7/2022 là 57.512.000 đồng (Năm mươi bảy triệu năm trăm mười hai nghìn đồng).

Bị đơn ông Lý Q trình bày: Ông Q xác nhận vào ngày 24/7/2018 tôi có vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc của ông Hồng PH, thời hạn thanh toán vào ngày 24/7/2020, lãi suất thỏa thuận 0,5%/ 01 tháng. Mục đích vay để sửa nhà và làm ăn. Đây là khoản nợ chung của vợ chồng ông Q. Ngày 27/01/2022 vợ chồng ông Q đã trả cho ông PH số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc và hiện vợ chồng ông Q còn nợ ông Hồng PH số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi suất. Ông Q đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông PH nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thường xuyên ốm đau bệnh tật nên xin được trả dần tiền gốc và đề nghị ông PH không tính tiền lãi suất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H1 trình bày: Bà H1 xác nhận vợ chồng bà hiện còn nợ ông Hồng PH số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi suất. Bà H1 đồng ý với ý kiến của ông Lý Q, không thay đổi hoặc bổ sung gì thêm.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: 01 (Một) Văn bản thỏa thuận đề ngày 24/7/2018 (Bản gốc) về nội dung cho vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc, với lãi suất thỏa thuận 0,5%/ 01 tháng, thời hạn thanh toán vào ngày 24/7/2020; 01 (một) giấy ủy nhiệm chi đề ngày 25/7/2018 (Bản gốc); 01 (một) biên bản giao nhận tiền ngày 27/01/2022 (bản gốc).

Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 91; Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Áp dụng Điều

157; Điều 357; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồng PH; Buộc bị đơn ông Lý Q phải cho ông PH trả số tiền gốc và lãi là 207.562.500 đồng (Hai trăm lẻ bảy triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng), trong đó: Tiền gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi trong hạn và quá hạn là 57.562.500 đồng (*Năm mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng*).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Q phải nộp án phí là 10.378.000 đồng; trả lại cho ông PH số tiền 7.560.000 đồng tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Tuy Đức.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ông Hồng PH khởi kiện ông Lý Q do phát sinh tranh chấp từ văn bản thỏa thuận vay tiền đề ngày 24/7/2018, vì vậy Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn có địa chỉ tại Địa chỉ: Thôn A, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Thời hiệu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày lợi ích bị xâm phạm. Thời hạn thanh toán đối với số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) vào ngày 24/7/2020, ngày 31/12/2021 ông PH làm đơn khởi kiện. Do đó thời hiệu khởi kiện đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[1.3] Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 của BLTTDS để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Tuy nhiên, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Điều 238 của BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ngày 24/7/2018 ông PH cho vợ chồng ông Q vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), thời hạn thanh toán vào ngày 24/7/2020, lãi suất thỏa thuận 0,5%/ 01 tháng. Tuy nhiên, khi đến thời hạn thanh toán thì ông Q không thanh toán nên ông PH làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Q phải trả số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi suất phát sinh cho ông PH.

[2.1] Tại thời điểm ký kết hợp đồng, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện, nội dung của thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay tiền lập ngày 24/7/2018

là có thật và có hiệu lực pháp luật làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông PH, HĐXX thấy rằng: Vợ chồng ông Q, bà H1 thừa nhận có vay của ông PH số tiền 200.000.000 đồng, là khoản nợ chung của hai vợ chồng để sửa nhà và làm ăn. Thời hạn thanh toán vào ngày 24/7/2020 nhưng do kinh tế khó khăn, thường xuyên ốm đau, bệnh tật nên đến hạn không trả được. Do đó, vợ chồng ông Q, bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ dân sự theo khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015:

"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác…"

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 27/01/2022, ông Lý Q đã trả cho ông PH số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc. Do đó, ông PH yêu cầu ông Q trả số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[2.3] Về lãi suất: Theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự thì: "*5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:*

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

Theo quy định tại Điều 468 thì:

"1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 điều này tại thời điểm trả nợ".

Căn cứ văn bản thỏa thuận lập ngày 24/01/2018, hai bên thỏa thuận lãi suất là 0,5%/ 01 tháng/trên tổng số tiền vay phù hợp với Điều 468 Bộ Luật Dân sự. Do đó, việc ông PH yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền gốc đã cho vay là 57.512.000 đồng (Năm mươi bảy triệu năm trăm mười hai nghìn đồng) có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Lãi trong hạn là 0,5 %/ tháng và lãi quá hạn là 150 % của 0,5 % bằng 0,75 % theo điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ Luật Dân sự.

[3] *Tiền lãi được tính như sau:*

- Tiền lãi trong hạn của số tiền gốc 200.000.000 đồng tính từ ngày 24/7/2018 đến ngày 24/7/2020 là: (200.000.000 đồng x 0,5%/tháng) x 24 tháng = 24.000.000 đồng.

- Tiền lãi trên nợ gốc của số tiền 200.000.000 đồng quá hạn từ ngày 25/7/2020 đến ngày 27/01/2022 là: (200.000.000 đồng x 0.75%/tháng) x 18 tháng 02 ngày = 27.100.000 đồng.

- Tiền lãi trên nợ gốc của số tiền 150.000.000 đồng quá hạn từ ngày 28/01/2022 đến thời điểm xét xử ngày 19/7/2022 là: (150.000.000 đồng x 0,75%/tháng) x 05 tháng 21 ngày = 6.412.000 đồng.

Như vậy lãi trong hạn là: 24.000.000 đồng; lãi quá hạn là 33.512.000 đồng; tổng cộng hai khoản lãi trong hạn và quá hạn trên là 57.512.000 đồng.

[4] Quá trình cho vay, vợ chồng ông Q, bà H1 không cầm cố tài sản, giấy tờ gì cho ông PH nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

Từ những phân tích trên HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồng PH. Buộc ông Lý Q và bà Trần Thị H1 phải trả cho ông Hồng PH số tiền gốc và lãi là 207.512.000 đồng (*Hai trăm lẻ bảy triệu năm trăm mười hai nghìn đồng*), trong đó: tiền gốc là 150.000.000 đồng, tiền lãi suất là 57.512.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí DSST là 10.375.000 đồng (*Mười triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Do yêu cầu khởi kiện của ông PH được chấp nhận nên cần buộc ông Q, bà H1 phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Lý Q, bà Trần Thị H1 thuộc hộ nghèo có xác nhận của chính quyền địa phương nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Hồng PH số tiền 7.560.000 đồng *(Bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 184; Điều 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồng PH.

Buộc ông Lý Q và bà Trần Thị H1 phải trả cho ông Hồng PH số tiền gốc và lãi là 207.512.000 đồng (*Hai trăm lẻ bảy triệu năm trăm mười hai nghìn đồng*), trong đó: tiền gốc là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), tiền lãi suất là 57.512.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu năm trăm mười hai nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Án phí Dân sự sơ thẩm là 10.375.000 đồng (*Mười triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) (làm tròn). Ông Lý Q và bà Trần Thị H1 phải chịu toàn bộ số tiền trên. Do ông Lý Q, bà Trần Thị H1 thuộc hộ nghèo, có xác nhận của chính quyền địa phương nên căn cứ điểm đ điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Q, bà H1.

Hoàn trả cho ông Hồng PH số tiền 7.560.000 đồng *(Bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo biên lại số 0002138ngày 12/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm phần liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THA huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Phạm Văn Phiếm